

Số: **270** /QĐ- UBND

Đồng Đa, ngày **28** tháng **7** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán Ngân sách năm 2025

ỦY BAN NHÂN PHƯỜNG ĐỒNG ĐA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ- CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT- BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 14/7/2025 của HĐND phường Đồng Đa về Dự toán thu, chi NSNN và phân bổ dự toán NSNN phường Đồng Đa năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND phường Đồng Đa về việc giao, điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước phường Đồng Đa - Năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Đa tại Tờ trình số 07/TTr-KTHTĐT ngày 22/7/2025 về việc công khai số liệu dự toán Ngân sách năm 2025 trên cổng thông tin điện tử.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Dự toán ngân sách phường Đồng Đa năm 2025 (theo biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng HĐND & UBND Phường công khai số liệu Dự toán ngân sách năm 2025 (bằng bản PDF) trên cổng thông tin điện tử của phường Đồng Đa.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND Thành phố;
- Sở Tài chính;
- TT Quận ủy, HĐND Phường;
- Lưu VT, KTHTĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Hữu Tuấn

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
PHƯỜNG ĐỒNG ĐA NĂM 2025***(Kèm theo Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 của UBND phường Đồng Đa)**Đơn vị tính: 1.000 đồng*

Số TT	Nội dung chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	25,752,000	
1	Thu nội địa	25,752,000	
2	Thu viện trợ không hoàn lại		
B	Thu ngân sách phường	258,714,000	
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp		
	- Các khoản thu được hưởng 100%		
	- Các khoản thu được hưởng theo tỷ lệ (%)		
2	Bổ sung từ ngân sách Thành phố		
	Số thu ngân sách phường được hưởng theo phân cấp		
	Thu bổ sung từ ngân sách thành phố	258,714,000	
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách	48,619,000	
	- Thu bổ sung có mục tiêu	210,095,000	
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước		
4	Thu Kết dư ngân sách năm trước chuyển sang		
C	Chi ngân sách phường	258,714,000	
	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên</i>		
1	Chi đầu tư phát triển		
2	Chi thường xuyên	47,627,000	
3	Dự phòng ngân sách	992,000	
4	Dành nguồn CCTL		
5	Nộp NS cấp trên		
6	Chi mục tiêu thành phố		
-	Chi Đầu tư các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		
-	Chi Thường xuyên các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	210,095,000	
D	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP		

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 của UBND phường Đồng Đa)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
1	2	3
	NGÂN SÁCH PHƯỜNG	
I	Nguồn thu ngân sách	258,714,000
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	
2	Thu bổ sung từ ngân sách Thành phố	258,714,000
	- Bổ sung cân đối ngân sách	48,619,000
	- Bổ sung có mục tiêu:	210,095,000
3	Thu kết dư (Tăng thu)	
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	
II	Chi ngân sách	258,714,000
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp phường	258,714,000

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**(Kèm theo Quyết định số **270**/QĐ-UBND ngày **28**/ **7**/2025 của UBND phường Đồng Đa)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN	
		Thành phố giao	Phường giao
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	25,752,000	25,752,000
1	Lệ phí trước bạ	17,526,000	17,526,000
	Trong đó: Lệ phí trước bạ nhà đất	17,526,000	17,526,000
2	Thuế SD đất phi nông nghiệp	7,002,000	7,002,000
3	Thu Phí và lệ phí	1,224,000	1,224,000
	Trong đó:	1,224,000	1,224,000
	- Lệ phí môn bài thu từ khu vực KT ngoài quốc doanh và cá nhân, hộ kinh doanh	869,000	869,000
	-Phần do phường quản lý	355,000	355,000
II	THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG	258,714,000	258,714,000
1	Số thu ngân sách phường được hưởng theo phân cấp		
2	Thu bổ sung từ ngân sách thành phố	258,714,000	258,714,000
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách	48,619,000	48,619,000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	210,095,000	210,095,000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 28 / 7 /2025 của UBND phường Đồng Đa)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương
1	2	1
	TỔNG CHI NSDP	258,714,000
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	48,619,000
I	Chi đầu tư phát triển	
II	Chi thường xuyên	47,627,000
	Trong đó:	
1	Sự nghiệp môi trường	233,000
2	Chi khoa học và công nghệ (2)	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	
IV	Dự phòng ngân sách	992,000
V	Chi nộp NS cấp trên	
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	210,095,000
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	210,095,000
	Chi Đầu tư	
	Chi Thường xuyên	210,095,000
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025**

được theo Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 của UBND phường Đồng Đa)

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
	TỔNG CHI NSDP	
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC (6 tháng đầu năm)	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC (6 tháng cuối năm)	258,714,000
I	Chi đầu tư phát triển (2)	
II	Chi thường xuyên	257,722,000
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	135,309,789
-	Chi khoa học và công nghệ (3)	
-	Chi quốc phòng	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	
-	Chi y tế, dân số và gia đình	7,014,125
-	Chi văn hóa thông tin	10,508,668
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
-	Chi thể dục thể thao	6,200,656
-	Chi bảo vệ môi trường	290,000
-	Chi các hoạt động kinh tế	7,361,915
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	58,790,923
-	Chi bảo đảm xã hội	13,119,180
-	Chi thường xuyên khác	806,781
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (3)	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (3)	
V	Dự phòng ngân sách	992,000
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH QUẬN CHO TỪNG CƠ QUAN ĐƠN VỊ THUỘC PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 28 / 7 /2025 của UBND phường Đồng Đa)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	257,722,000	-	257,722,000				-	-	-	-	-
A	6 THÁNG ĐẦU NĂM	33,232,779	-	33,232,779								
	Văn phòng HĐND&UBND	33,232,779		33,232,779								
B	6 THÁNG CUỐI NĂM	224,489,221		224,489,221				-	-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	224,489,221		224,489,221				-	-	-	-	-
-	Văn phòng Đảng ủy	12,000,000		12,000,000								
-	Văn phòng HĐND&UBND	24,000,290		24,000,290								
-	Ủy ban MTTQ phường	3,861,647		3,861,647								
-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	4,786,804		4,786,804								
-	Phòng Văn hóa - Xã hội	16,334,867		16,334,867								
-	Mầm non Quang Trung	4,757,482		4,757,482								
-	Mầm non Vĩnh Hồ	5,007,877		5,007,877								
-	Mầm non Hoa Hồng	6,432,537		6,432,537								
-	Tiểu học Thái Thịnh	15,883,805		15,883,805								
-	Tiểu học Thịnh Hào	9,182,697		9,182,697								
-	Tiểu học Thịnh Quang	11,227,022		11,227,022								
-	Tiểu học Bể Ván Đàn	13,089,945		13,089,945								
-	Tiểu học Quang Trung	9,095,533		9,095,533								
-	THCS Bể Ván Đàn	17,530,835		17,530,835								
-	THCS Thái Thịnh	15,421,069		15,421,069								
-	THCS Thịnh Quang	8,831,913		8,831,913								
-	THCS Quang Trung	10,188,440		10,188,440								



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
-	Sự nghiệp giáo dục chung	8,545,634		8,545,634								
-	Trạm y tế phường	3,931,177		3,931,177								
-	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao phường	15,208,740		15,208,740								
-	Nhà nuôi dưỡng trẻ em Hữu Nghị Đồng Đa	3,737,117		3,737,117								
-	Ban quản lý chợ	2,100,000		2,100,000								
-	Ban dự án và đầu tư	3,333,790		3,333,790								
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (1)											
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH (1)											
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH											
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG											
VI	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (2)											
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU											





DIỆN TOÀN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 28 / 7 /2025 của UBND phường Đồng Đa)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ	257,722,000	135,309,789	-			7,014,125	10,508,668	-	6,200,656	290,000	7,661,915	58,490,923	13,119,180	806,781
1	Văn phòng Đảng ủy	12,000,000											12,000,000		
2	Văn phòng UBND&HĐND	57,233,069						1,337,384		50,700	190,778	555,625	34,633,489	1,338,349	806,781
3	Ủy ban MTTQ phường	3,861,647											3,861,647		
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	4,786,804									99,222	1,000,000	3,687,582		
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	16,334,867	115,000				3,082,948	635,000		150,000			4,308,205	8,043,714	
6	Mầm non Quang Trung	4,757,482	4,757,482												
7	Mầm non Vĩnh Hồ	5,007,877	5,007,877												
8	Mầm non Hoa Hồng	6,432,537	6,432,537												
9	Tiểu học Thái Thịnh	15,883,805	15,883,805												
10	Tiểu học Thịnh Hào	9,182,697	9,182,697												
11	Tiểu học Thịnh Quang	11,227,022	11,227,022												
12	Tiểu học Bể Văn Đàn	13,089,945	13,089,945												
13	Tiểu học Quang Trung	9,095,533	9,095,533												
14	THCS Bể Văn Đàn	17,530,835	17,530,835												
15	THCS Thái Thịnh	15,421,069	15,421,069												
16	THCS Thịnh Quang	8,831,913	8,831,913												
17	THCS Quang Trung	10,188,440	10,188,440												
18	Sự nghiệp giáo dục chung	8,545,634	8,545,634												
19	Trạm y tế phường	3,931,177					3,931,177								
20	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao phường	15,208,740						8,536,284		5,999,956		672,500			
21	Nhà nuôi dưỡng trẻ em Hữu Nghị Đồng Đa	3,737,117												3,737,117	
22	Ban quản lý chợ	2,100,000										2,100,000			
23	Ban dự án và đầu tư	3,333,790										3,333,790			